

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 336/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 năm 6 tháng 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận tại Tờ trình số 185/TTr-XSKT ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Công văn số 207/XSKT-TC ngày 29 tháng 5 năm 2023; ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1887/TTr-SNV ngày 15 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận, gồm 7 Chương 18 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Tấn Cảnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm
hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận**
*(Kèm theo Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền hạn được giao của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; cơ chế phối hợp; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty đối với hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; cơ chế phối hợp, báo cáo, xin ý kiến giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và Ban kiểm soát, Kiểm soát viên trong thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; cơ chế đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận *(sau đây gọi tắt là Công ty)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Quy chế này gồm: Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Cơ quan đại diện chủ sở hữu*" là Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có thẩm quyền quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước và Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. “Kiểm soát viên” là người thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan đại diện chủ sở hữu, được cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm, giúp cơ quan đại diện chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty.

Chương II

CƠ CẤU, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Việc bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên hoặc thành lập Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên (trong đó có Trưởng Ban kiểm soát) tại Công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tùy thuộc vào quy mô vốn, phạm vi địa bàn và ngành, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

2. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ, công chức khi thôi làm Kiểm soát viên. Trường hợp Ban Kiểm soát chỉ có 01 Kiểm soát viên thì Kiểm soát viên đó đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát và phải đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

2. Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của Công ty không phải là doanh nghiệp Nhà nước; không phải là người lao động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty; Chủ tịch Công ty; Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Công ty.

4. Đủ sức khỏe hoàn thành nhiệm vụ được giao, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác.

Điều 6. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên chuyên trách làm việc tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hàng tháng, quý, năm của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên chủ động và độc lập thực hiện nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi phân công khi xét thấy cần thiết.

3. Ban kiểm soát tổ chức họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên theo quy định và phải thực hiện đúng các quy định về sử dụng con dấu theo Quy chế của Công ty.

5. Khi kết thúc nhiệm kỳ Kiểm soát viên mà cơ quan đại diện chủ sở hữu chưa bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại thì Kiểm soát viên vẫn thực thi nhiệm vụ cho đến khi có Quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại Kiểm soát viên và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Quyền hạn của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp của Công ty, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch Công ty; chất vấn Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Yêu cầu những người quản lý Công ty: Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty; thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trong trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

5. Quyền khác quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau:

a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh.

b) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty.

c) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty.

d) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của Công ty.

đ) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty với các bên có liên quan.

g) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công; hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

h) Kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu việc thực hiện của Chủ tịch Công ty, Giám đốc theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và các Thông tư hướng dẫn.

i) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h của Khoản 1 Điều này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty.

k) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của Công ty, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 9. Trách nhiệm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng thời yêu cầu Kiểm soát viên chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp phát hiện Kiểm soát viên khác (nếu có) vi phạm quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao.

6. Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, Kiểm soát viên khác và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện có thành viên Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế làm việc và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

7. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Chương III

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 10. Thẩm định các báo cáo

1. Thẩm định, xem xét tính trung thực, hợp lý, hợp pháp và tính minh bạch của báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty trước khi Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty báo cáo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan chức năng theo quy định, riêng báo cáo tài chính trước khi báo cáo cho cơ quan đại diện chủ sở hữu phải được kiểm toán của cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện.

2. Thực hiện các bước thẩm định và đánh giá tính hợp pháp, trung thực, đúng đắn trong việc ghi chép sổ kế toán trên cơ sở Luật kế toán và các văn bản quy định pháp luật hiện hành.

3. Xem xét, kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ chứng từ kế toán, tài chính; các tài liệu khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính - kế toán phù hợp với các quy định hiện hành.

4. Khi phát hiện sai sót hoặc chưa phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không hợp lý thì có ý kiến và đề nghị Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty điều chỉnh lại báo cáo.

Điều 11. Đánh giá công tác quản lý điều hành

1. Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và nhiệm vụ khác được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao cho Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty.

2. Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của các Quy chế, quy định về quản lý nhân sự; chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng; phân cấp quản lý tài chính, tài sản... tại Công ty. Giám sát việc thực hiện, giám sát việc bổ sung, sửa đổi những Quy chế, quy định nói trên.

3. Đánh giá tính hợp lý, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu trong công tác quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty.

Điều 12. Lưu hồ sơ, tài liệu của Kiểm soát viên

1. Hồ sơ, tài liệu thực hiện công việc kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải được ghi chép thành văn bản, lưu theo trình tự để các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền khai thác, có thể hiểu được các công việc, kết quả thực hiện của cuộc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Báo cáo, hồ sơ, tài liệu và các giấy tờ khác có liên quan của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật lưu trữ và Quy chế Văn thư, lưu trữ của Công ty.

Chương IV

CƠ CHẾ PHỐI HỢP, QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 13. Cơ chế phối hợp, quan hệ công tác giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty.

b) Phê duyệt kế hoạch công tác hàng năm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên. Theo dõi, giám sát, đánh giá và xử lý các công việc liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, quản lý, chế độ chính sách của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm.

c) Thông báo đầy đủ cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên quyết định của mình liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trả lời bằng văn bản về những đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên. Trường hợp Ban kiểm soát, Kiểm soát viên xin ý kiến đối với các vấn đề phát sinh đột xuất, có tính cấp bách thì cơ quan đại diện chủ sở hữu phải trả lời, chỉ đạo bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc.

đ) Sau khi quyết định thành lập Ban Kiểm soát, bổ nhiệm Kiểm soát viên, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm: giao nhiệm vụ cho một đơn vị hoặc cá nhân cụ thể làm đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, trả lời các báo cáo và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; thông báo cho Công ty và các cơ quan liên quan về việc thành lập Ban Kiểm soát, bổ nhiệm Kiểm soát viên và hiệu lực thi hành.

e) Trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và sự thống nhất của Chủ tịch Công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn, định mức về cơ sở, vật chất, trang thiết bị làm việc và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty theo quy định hiện hành.

2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có trách nhiệm:

a) Xây dựng chương trình công tác năm, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong quý I hằng năm. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc theo chương trình công tác năm đã được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót và không gây thiệt hại cho Công ty, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có thể chủ động thực hiện nhưng phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trong thời gian sớm nhất có thể.

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý và ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu báo cáo bằng văn bản về tình hình, nội dung hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động trong kỳ tới.

c) Đối với những văn bản, báo cáo của Công ty cần có ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, báo cáo, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên phải gửi báo cáo thẩm định bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

d) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên cần phát hiện sớm những sai phạm, những hoạt động có dấu hiệu vi phạm pháp luật, ghi nhận lại sự việc, hiện trạng, nêu khuyến cáo, đồng thời chủ động thông báo ngay cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty để có biện pháp xử lý.

Điều 14. Cơ chế phối hợp giữa Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty

1. Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty có quyền được chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc thành lập Ban Kiểm soát, bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát, Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, Công ty có quyền báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu và thông báo cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Chủ tịch, Giám đốc Công ty đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại Điều 7 Quy chế này; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Khi Ban kiểm soát, Kiểm soát viên gửi báo cáo đến cơ quan đại diện chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty trừ trường hợp có quy định khác của cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp Công ty có ý kiến khác Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Công ty có quyền đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau.

Điều 15. Cơ chế phối hợp giữa các Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được cơ quan đại diện chủ sở hữu phân công, đồng thời cùng với các Kiểm soát viên khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các Kiểm soát viên khác vào báo cáo, chương trình công tác để gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.

Chương V
CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ
VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 16. Căn cứ, nội dung, thời điểm, trách nhiệm, tiêu chí đánh giá và xếp loại chất lượng

1. Trách nhiệm, căn cứ, tiêu chí, nội dung, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp loại chất lượng hàng năm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện theo quy định từ Điều 8 đến Điều 17 Nghị định số 159/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc đánh giá Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được thực hiện hàng năm sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng được lưu vào hồ sơ và thông báo đến Ban kiểm soát, Kiểm soát viên.

3. Kiểm soát viên được đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo 04 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Đối với Kiểm soát viên là đảng viên thì đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên trước; đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý sau.

Chương VI
TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC,
ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CÔNG TÁC, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 17. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định (tối thiểu bằng Phó Giám đốc Công ty) theo quy định; được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

2. Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể khác của Công ty như cán bộ, nhân viên và người lao động của Công ty.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung liên quan đến hoạt động và các vấn đề khác của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không quy định trong quy chế này thì thực hiện các văn bản hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Trong quá trình thực hiện, Quy chế được sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật./.



PHỤ LỤC
PHỤ YÊU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 58/NQ-CP NGÀY 21/4/2023 CỦA CHÍNH PHỦ
CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP TRÔNG TÂM HỒ TRỢ DOANH NGHIỆP CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG,
PHÚC HỘI NHANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 335 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
A.	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai trong ngắn hạn:			
1.	Đẩy mạnh và thực hiện quyết liệt các giải pháp khắc phục “thẻ vàng” IUU của Liên minh Châu Âu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
2.	Triển khai thực hiện hướng dẫn về cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước vốn chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn
3.	Triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất để thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	Cục Thuế tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
4.	Công bố giá các loại vật liệu xây dựng phổ biến trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
5.	Triển khai thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
6.	Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	tỉnh Ninh Thuận đến năm 2030.			
7.	Hỗ trợ các doanh nghiệp được vay vốn tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
8.	Hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho lao động làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Sở Lao động, Thương mại và Xã hội	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
9.	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi đối với đối tượng ưu tiên tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Ninh Thuận	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
B.	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong trung và dài hạn:			
1.	Rà soát các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số, triển khai dịch vụ công trực tuyến.	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
2.	Tổ chức gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp định kỳ hàng tháng nhằm trao đổi, nắm bắt những vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng tháng
3.	Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 513/KH-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	thực hiện Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.			
4.	Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Số Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
5.	Xây dựng kế hoạch và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp.	Số Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
6.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Số Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
7.	Đẩy mạnh ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ; hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.	Số Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
8.	Tham mưu xây dựng Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.	Số Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Năm 2023
9.	Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”.	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
10.	Tham mưu triển khai thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của	Số Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.			
11.	Tham mưu bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh bền vững, chuyển đổi cơ cấu, công nghệ sang hướng hiện đại, giám thái các-bon theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm
12.	Chi đạo các tổ chức tín dụng phát triển tập trung vốn cho vay đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực kinh tế xanh, giám thái các-bon phục vụ mục tiêu tăng trưởng xanh theo quy định của pháp luật.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, TP;	Hàng năm

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NINH THUẬN XUẤT BẢN

Địa chỉ: số 450 đường Thống Nhất

Điện thoại: 0259.3822683 - Fax: 0259.3822866

Email: congbao@ninhthuan.gov.vn

Website: www.ninhthuan.gov.vn

In tại: Công ty cổ phần In Ninh Thuận